

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG LÔ
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 04/2018/HSST
Ngày 09 tháng 02 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hưng
2. Ông Nguyễn Xuân Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh- Thư ký

Toà án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô tham gia phiên toà: Ông Vũ Văn Nam- Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 02/2018/HSST ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Vũ Mạnh H, sinh năm 1988; trú tại: thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; con ông Vũ Văn C, sinh năm 1963 và bà Khổng Thị T, sinh năm 1962; vợ: Chu Thị T, sinh năm 1990; có 02 con: lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

2. Nguyễn Thế A, sinh năm 1981; trú tại: thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 09/12; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1955; vợ: Trần Thị Thu T, sinh năm 1985; có 02 con: lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Hiện đang tại ngoại tại địa phương, (có mặt).

Người bị hại: Bà Khổng Thị T, sinh năm 1962; Trú tại: thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt); Anh Chu Quốc K, sinh năm 1995; Trú tại: thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1975; Trú tại: thôn V, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt); Anh Đặng Văn H, sinh năm 1985; Trú tại: thôn H, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Anh Trần Quốc B, sinh năm 1981; Trú tại: thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 23/8/2017, Vũ Mạnh H và Nguyễn Thế A ngồi uống nước tại nhà H. Trong lúc nói chuyện H rủ Thế A đi làm thuê. Thế A nói không có tiền nên H bàn bạc với Thế A lấy 01 xe máy nhãn hiệu Honda, loại xe JA36BLADE, BKS 88C1-14705 của mẹ đẻ H là bà Khổng Thị T cho H mượn dùng làm phương tiện đi lại và cắt cỏ hàng ngày để mang đi cầm cố lấy tiền tiêu sài. Thế A đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, H thấy không có ai ở nhà. H liền điều khiển xe máy BKS 88C1-14705 đến sau nhà Thế A để gọi A mang đi cầm cố. Thế A đồng ý bảo H đi ra Công xí nghiệp đá thuộc thôn Đ, xã T, huyện S đứng chờ. H đi ra đầu ngõ thì gặp bà T. Thấy H đi xe của mình nên bà T nói: *“mày đi cắt cỏ mà không mang theo xe lô à”*. H liền nói dối: *“Xe lô bị thủng, mẹ về đi và cho con, con đi cắt cỏ trước, tý nữa con về lấy xe sau”*. Thấy H nói vậy, bà T liền đi về nhà còn H điều khiển xe máy đến Công xí nghiệp đá. Khoảng 15 phút sau, Thế A đi bộ đến chỗ hẹn gặp H rồi cả hai cùng đến nhà anh Nguyễn Bá Q vay 2.000.000đ và gửi lại chiếc xe máy này để làm tin. Sau đó, H và Thế A cùng đi đến thị trấn L, huyện L. Thấy số tiền vay được ít nên Thế A bàn bạc H gọi điện cho anh Nguyễn Quốc H nhờ H đến gặp Q chuộc lại chiếc xe máy trên để đem cầm cố cho H với giá cao hơn. Anh H đồng ý, sau đó Thế A cùng Nguyễn Quốc H và anh Nguyễn Khánh H là con trai H đến gặp và trả Q 2.000.000đ. Q nhận tiền và trả lại cho H chiếc xe máy trên. H, Thế A tiếp tục cầm cố lại chiếc xe máy này cho H với số tiền 6.000.000đ. Có tiền H và Thế A xuống Hà Nội cùng ăn tiêu hết 5.000.000đ, còn 1.000.000đ H chia cho Thế A 200.000đ.

Đến khoảng 21 giờ ngày 11/10/2017, H về nhà lấy 01 Giấy đăng ký xe máy BKS 88C1 - 14705 của bà T rồi cùng Thế A đến gặp anh H để thỏa thuận bán chiếc xe đã cầm cố trên. Anh H không mua nhưng giới thiệu bán cho anh Đặng Văn H. Anh H thấy xe của H có giấy tờ đầy đủ nên đã mua với giá 11.000.000đ. Bán được xe, H trả cho anh H tổng số tiền 7.000.000đ (bao gồm 6.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi). Còn 4.000.000đ thì H tiêu sài cá nhân hết 1.500.000đ. Ngày 12/10/2017 H về nhà đưa cho bà T 2.500.000đ nói là tiền đã bán chiếc xe máy BKS: 88C1 - 14705. Anh H sau khi mua chiếc xe máy trên đã bán lại cho anh Trần Quốc B với giá 13.000.000đ.

Ngày 28/8/2017, bà Thường có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đề nghị giải quyết vụ việc trên. Ngày 12/10/2017, anh Trần Quốc B đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy này cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô để phục vụ cho công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 53 ngày 16/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Sông Lô kết luận: Chiếc xe máy

Honda JA36BLADE, BKS: 88C1-147.05 trị giá 10.000.000đ.

Ngoài ra quá trình điều tra đã làm rõ, khoảng 18 giờ ngày 27/8/2017, H đến chơi nhà em vợ là Chu Quốc K. Sau đó, H hỏi K cho mượn chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream BKS 88H1 - 00602 của K để đi lên thành phố V để lấy đồ dùng cá nhân. Anh K đồng ý và đưa chìa khóa xe cho H. Mượn được xe, H một mình điều khiển xe máy BKS 88H1 – 00602 lên thành phố V. Trên đường đi do hết tiền tiêu sài nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy này của anh K để mang đi cầm cố. H liền điều khiển xe về nhà Nguyễn Quốc H. H cầm cố chiếc xe máy này cho H lấy 5.000.000đ, rồi H đã tiêu sài cá nhân hết, không có khả năng trả nợ H để lấy lại xe trả cho anh K. Ngày 31/8/2017, bà T đến gặp H chuộc lại chiếc xe máy của K với giá 5.200.000đ (gồm 5.000.000đ gốc và 200.000đ tiền lãi) rồi giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 52 ngày 01/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã Phúc Yên có kết luận: Chiếc xe máy Honda Dream, BKS: 88H1 - 006.02 trị giá 15.000.000đ.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Quốc H khai nhận: Khi nhận cầm cố 02 chiếc xe máy của H và Thế A và đổi với Nguyễn Bá Q, Đặng Văn H, Trần Quốc B đã có hành vi nhận gửi, mua bán chiếc xe máy BKS: 88C1 - 147.05 nhưng đều không biết tài sản do H và Thế A phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự.

Về vật chứng của vụ án:

Số tiền 2.500.000đ là tiền có được do bán xe máy do Vũ Mạnh Hùng đưa bà Khổng Thị Thường. Bà Thường tự nguyện giao nộp để trả lại cho anh Đặng Văn Hữu.

01 chiếc xe máy BKS 88C1-14705 và 01 đăng ký xe máy mang tên bà Khổng Thị T. Ngày 03/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô đã trả lại chiếc xe máy trên cho Bà T.

01 chiếc xe máy BKS 88H1 – 00602 là tài sản hợp pháp của anh Chu Quốc K. Ngày 03/11/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Phúc Yên đã trả lại chiếc xe máy trên cho anh K.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động mà Nguyễn Thế A liên lạc khi phạm tội. Quá trình điều tra, Thế A khai nhận đã bị rơi mất nên cơ quan điều tra không thu giữ được.

Đối với số tiền 1.000.000đ là tiền lãi Khổng Văn H thu của Vũ Mạnh H và 200.000đ thu lãi của bà Khổng Thị T (bà T không yêu cầu trả lại). Xác định đây là một giao dịch bất hợp pháp nên cần truy thu đối với H về số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Khổng Thị T và anh Chu Quốc K sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với số tiền 5.200.000đ là tiền bà T trả cho H để lấy lại chiếc xe máy của K. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu Vũ Mạnh H và Khổng Văn H phải trả cho bà. Nếu yêu cầu bà sẽ khởi kiện trong một vụ án dân sự khác.

Trong quá trình điều tra anh Đặng Văn H đã trả lại cho anh Trần Quốc B số tiền 10.000.000đ. Anh B đã nhận tiền và không yêu cầu, đề nghị gì. Anh H chỉ yêu cầu Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải bồi thường cho anh tổng số tiền 9.000.000đ. Tại phiên tòa anh H đồng ý nhận lại số tiền 2.500.000đ do bà T nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô và chỉ yêu cầu Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải bồi thường số tiền là 6.500.000đ.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Mạnh H và Nguyễn Thế A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số: 04/KSĐT- KT ngày 12 tháng 01 năm 2018 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô truy tố các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô luận tội đối với các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A. Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Mạnh H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được trừ vào thời gian chấp hành án và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo Nguyễn Thế A từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được trừ vào thời gian chấp hành án và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Khổng Thị T chiếc xe máy BKS: 88C1-14705; trả cho anh Chu Quốc K 01 xe máy BKS 88H - 00602 là đúng chủ sở hữu.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.200.000đ của Khổng Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, các Điều 584, 585, 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải liên đới bồi thường cho anh Đặng Văn H số tiền 6.500.000đ. Kỷ phần bị cáo Hùng 3.500.000đ, bị cáo Anh 3.000.000đ.

Xác nhận bà Khổng Thị T đã giao nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô 2.500.000đ để hoàn trả cho anh Đặng Văn H.

Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô đã truy tố và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, các bị cáo nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Lô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Khoảng 9 giờ ngày 23/8/2017, tại thôn V, xã T, huyện S, tỉnh Vĩnh Phúc, Vũ Mạnh H lợi dụng việc bà Không Thị T cho mượn 01 chiếc xe máy BKS 88C1 - 14705 có trị giá là 10.000.000đ sau đó đã bàn bạc và cùng Nguyễn Thế A đem chiếc xe máy này cầm cố và đem bán được 11.000.000đ. H và Thế A đã đem số tiền này đi tiêu sài và trả nợ hết 8.500.000đ. Còn lại 2.500.000đ H đem trả cho T. Vũ Mạnh H không có khả năng trả lại chiếc xe máy trên cho bà T.

Ngoài ra, khoảng 18 giờ ngày 27/8/2017, tại thôn T, xã N, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc, Vũ Mạnh H, đã mượn của anh Chu Quốc K, xe máy BKS 88H1 - 00602 trị giá 15.000.000đ, sau đó đem cầm cố được 5.000.000đ. H, mang tiêu sài cá nhân hết và không có khả năng trả lại tài sản cho anh K.

Tổng trị giá tài sản do Vũ Mạnh H thực hiện 02 vụ là 25.000.000đ. Nguyễn Thế A thực hiện cùng với H 01 vụ là 10.000.000đ.

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai, bản kiểm điểm của các bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Do vậy hành vi của các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017. Tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 thì phải xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 vì có khung hình phạt nhẹ hơn khung hình phạt quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung theo luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017.

Khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định: “Người nào có một

trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

b, ...mượn... tài sản của người khác ...và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản”.

Do đó bản cáo trạng số: 04/KSĐT-KT, ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, xong hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó của các bị cáo còn làm mất trật tự trị an ở địa phương, gây dư luận bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi nhằm thỏa mãn nhu cầu của cá nhân. Xét tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đối chiếu với yêu cầu phòng chống tội phạm ở địa phương một khi những hiện tượng như trên chưa giảm, thấy cần phải đưa vụ án ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và phải có hình phạt thích đáng với các bị cáo. Có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo A không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ân hận về hành vi phạm tội của mình. Do đó các bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo A phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để làm căn cứ giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho các bị cáo.

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vũ Mạnh H là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện trong các ngày 23/8/2017 và 27/8/2017. Nguyễn Thế A tham gia với vai trò đồng phạm là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội ngày 23/8/2017.

Hình phạt bổ sung: Qua xác minh tại địa phương bị cáo H, bị cáo A không có tài sản gì nên không áp dụng hình phạt bổ sung với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Khổng Thị T và anh Chu Quốc K sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu, đề nghị gì. Đối với số tiền 5.200.000đ là tiền bà T trả cho H để lấy lại chiếc xe máy của K. Tại phiên tòa bà T không yêu cầu Vũ Mạnh H, Khổng Văn H phải trả cho bà nếu sau này bà có yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Trong quá trình điều tra anh Đặng Văn H đã trả lại cho anh Trần Quốc B số tiền 10.000.000đ. Anh B đã nhận tiền và không yêu cầu, đề nghị gì. Anh H đề nghị nhận lại số tiền 2.500.000đ do bà Khổng Thị T nộp tại Chi cục thi hành án huyện Sông Lô và chỉ yêu cầu Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải bồi thường cho anh tổng số tiền 6.500.000đ là phù hợp. Nên cần buộc bị cáo H và bị cáo A phải liên đới bồi thường cho anh H.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.200.000đ của Khổng Quốc H. Xác nhận bà Khổng Thị T đã giao nộp 2.500.000đ để hoàn trả cho anh Đặng Văn H (các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng).

Về án phí: Bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 140 Bộ luật hình sự năm 1999.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Vũ Mạnh H.

Xử phạt: Bị cáo Vũ Mạnh H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được trừ vào thời gian chấp hành án.

Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 140, điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thế A.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế A 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, thời hạn tạm giam từ ngày 18/10/2017 đến ngày 16/01/2018 được trừ vào thời gian chấp hành án.

2.Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, các Điều 585, 587, 589 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A phải liên đới bồi thường cho anh Đặng Văn H số tiền 6.500.000đ. Kỳ phần của bị cáo H 3.500.000đ, bị cáo A 3.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành khoản tiền bồi thường nói trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều

106 Bộ luật tố tụng hình sự. Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.200.000đ của Khổng Quốc H. Xác nhận bà Khổng Thị T đã giao nộp 2.500.000đ để hoàn trả cho anh Đặng Văn H (các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1, khoản 3 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Vũ Mạnh H, Nguyễn Thế A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ án phí dân sự trong án hình sự.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để xét xử phúc thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Lô;
- Chi cục Thi hành án huyện Sông Lô;
- Công an huyện Sông Lô;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Lập;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Trần Thị Huệ